TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **289**/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 153/2026/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Hoàng Thị N,** sinh ngày 10/02/1990. Địa chỉ: Thôn G, xã H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh **Phan Văn D,** sinh ngày 18/9/1989. Địa chỉ: Thôn G, xã H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Hoàng Thị N** và anh **Phan Văn D**.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 60, ngày 18 tháng 7 năm 2008 tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang))

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Phan Thị U, sinh ngày 24/02/2009 và cháu Phan Thị M, sinh ngày 24/01/2013 cho anh Phan Văn D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Hoàng Thị S không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phan Văn D và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị S và anh Phan Văn D đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Hoàng Thị S và anh Phan Văn D đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị N tự nguyện nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000014077566, ngày 23/3/2026 của Công ty cổ phần T và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 87, ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Hoàng Thị N còn được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Phan Văn D không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 – Tuyên Quang (02 bản);
- THADS tỉnh Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND xã Hồng Sơn (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến